**Ngày soạn: 15/09/2023**

**TIẾT 13,14,15**

 **THU ĐIẾU**

Nguyễn Khuyến

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nhận biết được đặc điểm vẽ niêm, luật; xác định bố cục; phần tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Thu điếu.* Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

- HS cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, nỗi niềm thời thế của tác giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thu điếu.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- HS biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho HS xem bức tranh 4 bốn mùa và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài**: Em hãy chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về một mùa mà em yêu thích.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** Xuân- Hạ- Thu- Đông có lẽ là quy luật của tạo hóa. Nhưng mùa thu đặc biệt hơn một chút hay sao vậy? Nhắc đến mùa thu là nhắc đến nỗi buồn, nhắc đến mùa thu là nhắc đến cô hơn, hiu quạnh của biết bao thi nhân sáng tác thơ về chủ đề thiên nhiên. Bởi có lẽ, tác giả đã có một tâm hồn yêu nước, một tâm hồn dễ rung cảm, một trái tim nhạy bén với thời cuộc. Và trong buổi học ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu một bài thơ mùa thu với những cảm xúc buồn như vậy qua bài thơ **“Thu điếu”- Nguyễn Khuyến.**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- Sử dụng chiến lược: **theo dõi, dự đoán và đối chiếu**- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS theo dõi sgk- GV quan sát, hỗ trợ**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá**Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HStìm hiểu về tác giả và tác phẩm.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức **GV mở rộng kiến thức về tác giả:****\* Tam Nguyên Yên Đổ:** Đỗ đầu cả ba kỳ thi nên thường được gọi là Tam nguyên Yên Đổ.**\* Nội dung thơ ca**- Tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương.- Ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.**\* Đề tài sáng tác chính:** Cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê**\* Đặc điểm thơ**- Ngòi bút tả cảnh chân thực, tài hoa- Ngôn ngữ thơ giản dị, điêu luyện**\* Sáng tác tiêu biểu:** Gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn, hiện còn trên 800 bài gồm thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ, trong đó nổi tiếng là ba bài thơ: *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm* | **I. Đọc- Tìm hiểu chung****1. Đọc**- Đọc to, rõ ràng, đúng tốc độ, nhịp điệu. Chú ý cách ngắt nhịp, gieo vần của các câu thơ.- Sử dụng chiến lược: theo dõi, dự đoán và đối chiếu**2. Tìm hiểu chung****a. Tác giả:** **- Quê quán:** Xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam**- Gia đình:** Nhà Nho nghèo có truyền thống khoa bảng**- Cuộc đời:** Nhà nghèo, từng có thời gian cha mất phải đi kiếm ăn nuôi gia đình.**- Bản thân:** Từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh, học giỏi.**b. Tác phẩm****- Hoàn cảnh sáng tác**+ Trong thời gian ông ở ẩn + Thuộc chùm thơ thu của ông.**- Thể thơ**: Thất ngôn bát cú Đường luật**- PTBĐ chính**: Biểu cảm**- Đề tài**: Mùa thu |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Khám phá được

- Đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật được thể hiện trong bài thơ

- Hình tượng thiên nhiên mùa thu

- Hình tượng con người

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****GV tổ chức kĩ thuật Think- pair- share (**hoàn thành PHT)**Thời gian:** 7 phút**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS thảo luận và báo cáo sản phầm- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **II. Khám phá văn bản****1. Đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật được thể hiện trong bài thơ****\* Luật bằng trắc:**- Luật bằng - Các thanh bằng trắc đan xen nhau (2,4,6)**\* Liên** (trong mỗi cặp câu) các thanh bằng, trắc ngược nhau**\* Niêm** (cùng thanh)**\* Vần, nhịp, bố cục, đối** (ở hai câu thực và hai câu luận)- Bài thơ gieo vần “eo” ở các chữ cuối của ác câu 1,2,4,6,8 – thanh bằng, chủ yếu ngắt nhịp 4/3- Bố cục: 2 phần+ 6 câu đầu: Hình tượng thiên nhiên mùa thu+ 2 câu cuối: Hình tượng con người |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**1. Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ? Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề và hai câu đề.2. Bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện ở những khoảng không gian nào? Nhận xét về trình tự miêu tả những khoảng không gian đó.3. Phân tích các từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc, âm thanh, chuyển động,...của các sự vật; từ đó hãy khái quát những nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ được tái hiện trong bài thơ.**GV tổ chức hoạt động nhóm 4****Thời gian**: 10 phút**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS trả lời câu hỏi, chia nhóm và hoàn thành PHT**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Hình tượng thiên nhiên mùa thu****\* Nhan đề bài thơ** **-** Không gian (Mùa thu)  - Hành động (Câu cá)🡺 Không gian ao thu với mặt nước êm đềm và chiếc thuyền câu bé nhỏ**\* Điểm nhìn:**+ Đi từ cái nhìn bao quát đến cận cảnh: từ **ao thu** đến **chiếc thuyền câu****🡺 Cảnh thu được miêu tả từ gần đến xa, từ xa đến gần, từ thấp lên cao, từ cao xuống thấp****\*Vẻ đẹp của bức tranh thu****- Ao thu**: *Lạnh lẽo, trong veo*🡪 Gợi tiết trời se lạnh, mặt nước phẳng lặng, làn nước trong suốt, như có thể nhìn thấu đáy**- Thuyền câu**: *Bé tẻo teo*🡪 Từ láy tượng hình, nhấn mạnh sự bé nhỏ của con thuyền chỉ như chiếc lá đậu trên mặt ao thu.🡪 Không gian ao thu và hình dáng thuyền câu toát lên nét hài hòa, xinh xắn**- Bầu trời**: + *Xanh ngắt*🡪 Đặc trưng của trời thu đất Bắc, gợi nền trời cao, rộng và không gian trong trẻo của một ngày thu nắng đẹp*+ Tầng mây lơ lửng*🡪 Tạo hình khối, toát lên vẻ bình yên, thanh tĩnh🡪 Màu xanh của trời thu (xanh ngắt), của mặt nước mùa thu (sóng biếc), màu vàng của lá thu (lá vàng)....mang lại ấn tượng về một bức tranh thiên nhiên tươi sáng**- Ngõ trúc**: *Quanh co, khách vắng teo*🡪 Lối ngõ nhỏ, quanh co – không gian quen thuộc của làng quê Bắc Bộ, gợi khung cảnh im vắng, tĩnh lặng**- Chuyển động của các sự vật**: + *Hơi gợn tí, sẽ đưa vèo*🡪 Nhẹ, khẽ khàng “hơi gợn tí”🡪 Nhẹ và nhanh “sẽ đưa vèo”*+ Mây lơ lửng, không trôi***- Âm thanh**: *Đớp động dưới chân bèo*🡪 Nhẹ, khẽ khàng🡺 Lấy động tả tĩnh**🡺 Sự chăm chú quan sát, sự cảm nhận tinh tế của tác giả****Nét điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ: không khí mát lành, trời thu trong xanh, cao rộng, không gian êm đềm, thanh tĩnh, cảnh sắc hài hòa, giàu chất thơ...** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:****GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Ở hai câu kết, hình ảnh con người được hiện lên trong tư thế, trạng thái như thế nào? Qua đó, em cảm nhận được nỗi niềm tâm sự gì của tác giả?**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**- HS trả lời câu hỏi**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS báo cáo kết quả, nhận xét.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.**GV đặt câu hỏi thêm**: Nêu chủ đề của bài thơ. Chủ đề ấy giúp em hiểu thêm điều gì về tâm hồn tác giả?**🡪 Chủ đề:** Sự cảm nhận tinh tế vẻ đẹp của mùa thu đất Bắc và tình cảm gắn bó thiết tha với quê hương của tác giả; qua đó bày tỏ nỗi niềm ưu tư trước thời cuộc**🡪 Cảm nhận về tâm hồn tác giả**: Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, chan hòa với thiên nhiên, yêu mến và trân trọng cuộc sống bình yên của làng quê; Tâm sự sâu kín của một con người dẫu tìm về cuộc sống ẩn dật nhưng không nguôi nỗi buồn thời thế🡪 Tình yêu nước thầm kín, sâu sắc của nhà thơ | **3. Hình tượng con người****- Tư thế**: “tựa gối, buông cần”**- Trạng thái**: trầm tư- Âm thanh của tiếng cá đớp bọt đâu đó khẽ động dưới chân bèo: không chỉ làm tăng cái im vắng của ngoại cảnh mà còn cho thấy khoảnh khắc trầm lắng, suy tư của con người.🡺 Buồn, có sự suy tư, sâu lắng và cô đơn. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- Thể thơ thất ngôn bát cú cô đọng, hàm súc.- Cách gieo vần đặc sắc, độc đáo.- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tình.- Hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc.- Điểm nhìn trong thơ được thay đổi linh hoạt.**2. Nội dung**- Tái hiện lại khung cảnh thiên nhiên mùa thu của làng quê Đồng Bằng Bắc Bộ quen thuộc, gần gũi.- Cho thấy tình yêu thiên nhiên, sự gắn bó, cảm nhận tinh tế của nhà thơ.- Tấm lòng nhiều ưu tư, trăn trở của một con người có tấm lòng vì dân, vì nước. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV tổ chức trò chơi trắc nghiệm **CÂU CÁ MÙA THU**

**1. Dòng nào nhận xét đúng về ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến?**

A. Giàu chất trữ tình

B. Tươi vui, hóm hỉnh

**C. Giản dị mà điêu luyện**

D. Gai góc và gân guốc

**2. Thu điếu có nghĩa là gì?**

A. Một mình câu cá

B. Mùa thu và con cá

C. Một mình giữa mùa thu

**D. Mùa thu câu cá**

**3. Nguyễn Khuyến được mệnh danh là?**

**A. Nhà thơ của dân tình, làng cảnh Việt Nam**

B. Ông hoàng thơ tình

C. Lá cờ đầu của thơ văn Cách mạng

D. Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới

**4. Hình ảnh nào không xuất hiện trong sáu câu thơ đầu bài “Thu điếu”?**

A. Sóng biếc

B. Ngõ trúc

C. Lá vàng

**D. Chân bèo**

**5. Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc nào được sử dụng trong hai câu cuối bài thơ?**

A. Tăng tiến

B. Tả cảnh ngụ tình

**C. Lấy động tả tĩnh**

D. ước lệ tượng trưng

**6. Màu sắc chủ đạo trong bài thơ “Thu điếu” là gì?**

**A. Xanh**

B. Trắng

C. Vàng

D. Đỏ

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS:** Viết đoạn văn khoảng (7-9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ “Thu điếu”



**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: 20/09/2023**

**TIẾT 16 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**( TỪ TƯỢNG HÌNH – TỪ TƯỢNG THANH)**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

- Biết sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh trong giao tiếp và cuộc sống.

**2. Năng lực**

 **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

 **b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh

- Vận dụng kiến thức về từ tượng hình, từ tượng thanh để đọc hiểu và viết văn bản

**3. Phẩm chất**

Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8 soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi VUA TIẾNG VIỆT**

+ GV chia lớp thành 2 đội

Đội 1: Tìm các từ miêu tả dáng đi của con người.

Đội 2: Tìm các từ miêu tả tiếng cười của con người.

+ Thời gian: 1 phút

+ Sự mạch lạc trong văn bản có tác dụng gì?

🡪 Các từ miêu tả dáng đi: Tất bật, yểu điệu, thướt tha, thoăn thoắt, lom khom, rón rén, lò dò, ngả nghiêng, thất tha thất thểu, bước thấp bước cao, lẻo khoẻo, chỏng quèo, huỳnh huỵt

🡪 Các từ miêu tả tiếng cười: ha ha, hì hì, khanh khách, sằng sặc, khúc khích, sặc sụa, hô hố....

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong cuộc sống và trong văn học, chúng ta thường bắt gặp những từ, cụm từ mà các em vừa tìm được. Nhưng tên gọi của những từ đó là gì, chức năng, tác dụng của nó ra sao và sử dụng chúng sao cho hiệu quả, chúng ta sẽ vào bài học ngày hôm nay qua tiết “Thực hành tiếng Việt”*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được kiến thức về khái niệm, tác dụng và những lưu ý khi sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****GV đưa ví dụ và yêu cầu HS:**+ Từ “lấm tấm” trong câu thơ của Hàn Mặc Tử gợi lên những hình ảnh gì?*+ Từ “xao xác” trong câu thơ của Nguyễn Đình Thi gợi âm thanh như thế nào?*+ Em hãy nêu khái niệm từ tượng hình, từ tượng thanh.+ Qua việc phân tích ví dụ, em hãy nêu công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.**GV hướng dẫn HS** những điều cần lưu ý về từ tượng hình, từ tượng thanh.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trả lời câu hỏi- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN NÀO?****Cho các từ sau**: ào ào, bát ngát, chênh vênh, chiêm chiếp, um tùm, rì rầm, lốm đốm, rì rầm, lấp lánh, quang quác, thoang thoảng, đẹp đẽ. **Em hãy phân loại các từ trên thành hai nhóm**: **Từ tượng hình**, **từ tượng thanh.** 🡪 **Từ tượng hình**: *bát ngát, chênh vênh, um tùm, lốm đốm, lấp lánh*🡪 **Từ tượng thanh**: *ào ào*, *chiêm chiếp*, *rì rầm*, *quang quác*, *rầm* | **1. Nhận biết từ tượng hình, từ tượng thanh****a. Từ tượng hình***\* Ví dụ:* *“Trong làn nắng ứng khói mơ tan* *Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng”*🡪 Gợi hình ảnh những đốm nắng rải qua vòm cây, in lên những mái nhà tranh, khung cảnh bình yên của mùa xuân làng quê.🡪 Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật**b. Từ tượng thanh***\* Ví dụ:* *“Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội* *Những phố dài xao xác hơi may”*🡪 Gợi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá và tiếng gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng.🡪 Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế.**2. Tác dụng từ tượng hình, từ tượng thanh**- Gợi hình ảnh, âm thanh và giúp tăng tính biểu cảm cho đối tượng.- Giúp các đối tượng cần miêu tả hiện lên rõ nét, sinh động và ấn tượng hơn.**3. Những lưu ý về từ tượng hình, từ tượng thanh*****\* Một số từ vừa có nghĩa tượng hình vừa có nghĩa tượng thanh, cho nên tùy vào văn cảnh ta sẽ xếp chúng vào nhóm nào.****Ví dụ: Mắt long sòng sọc/ Ho sòng sọc** *Làm ào ào/ Gió thổi ào ào*

***\* Có những từ tượng thanh, tượng hình không phải là từ láy mà chỉ là một từ đơn.*** *Ví dụ: Bốp (tiếng tát); bộp (tiếng mưa rơi); hoắm (chỉ độ sâu); vút (chỉ độ cao)…* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV hướng dẫn HS làm bài tập 1,3****- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm bàn và hoàn thành PHT** (bài tập 2)**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ, làm bài theo nhóm, hoàn thành bài tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- Đại diện các nhóm trình bày- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung bài làm của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  | **Bài tập 1**a. Từ tượng hình: *tẻo teo, lơ lửng, quanh co,...*🡪 Gợi tả lại dáng vẻ và không gian mùa thu ở đồng quê Bắc Bộ.b. Từ tượng thanh: *líu lo*- Từ tượng hình: *vắt vẻo*🡪 Từ tượng thanh gợi tả âm thanh của chú chim vàng anh, từ tượng hình khiến hình ảnh mùa xuân được nhân hóa, có hành động cụ thể và gần gũi hơn.c. Từ tượng thanh: *lích chích*- Từ tượng hình: *phập phổng*🡪 Gợi tả âm thanh tiếng chim hòa vào không gian và gợi sự sống hiện hình, dễ dàng cảm nhận. Mở ra không gian mùa xuân tràn đầy sức sống.**Bài tập 2**a. Đoạn thơ có các từ tượng hình: *le te, lập loè, phất phơ, lóng lánh.*- Từ *le te* gợi hình ảnh những ngôi nhà tranh thấp, hẹp ở làng quê Việt Nam xưa.- Từ *lập loè* gợi ánh sáng chợt loé lên, chợt tắt đi của đom đóm; làm nổi bật thêm cái tối của những lối ngõ nhỏ và sự im vắng, tĩnh lặng của đêm khuya.- Từ *phất phơ* miêu tả sự lay động khẽ khàng của làn khói mỏng trong buổi chiều thu khi tiết trời se lạnh, gợi được cả làn gió nhẹ.- Từ *lóng lánh* gợi hình ảnh ánh trăng được phản chiếu từ mặt ao thu, khi làn nước trong trẻo xao động.b. Đoạn thơ có các từ tượng hình: *lơ lửng, lững thững;* từ tượng thanh: *véo von, ồn ào.*- Từ *lơ lửng* tả hình ảnh những đám mây như treo trên lưng chừng trời, gợi vẻ đẹp bình yên.- Từ *véo von* gợi tiếng chim trong trẻo, tươi vui như tiếng trẻ thơ- Từ *ổn ào* gợi không khí sôi động nơi cổng làng vào buổi sớm mai.- Từ *lững thững* gợi tả dáng đi thong thả của nhũng người nông dần bước ra khỏi cổng làng, bắt đầu một ngày lao động, mà như “đi vào nắng mai”.**Bài tập 3****- Từ tượng hình:** *Li ti****:*** Gợi tả màu sắc đặc biệt của loài chim áo già, những màu sắc đan xen nhau với kích thước nhỏ. Giúp người đọc dễ hình dung về ngoại hình của loài chim**- Từ tượng thanh:** *Lao xao, vù vù, líu ríu*:Gợi tả âm thanh của tiếng chim gọi nhau, không quá lớn, không quá ồn ào mà nghe rất vui tai. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**2. Tìm ít nhất hai ví dụ về việc sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh ở những văn bản mà em đã đọc và cho biết tác dụng của chúng trong những trường hợp ấy.**

Ví dụ 1:

*Lom khom dưới núi tiều vài chú*

(Qua đèo ngang – Bà Huyện Thanh Quan)

Từ tượng hình: **lom khom**

Ví dụ 2:

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Từ tượng thanh: **ầm ầm**

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**